TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **211**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 04 năm 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoài Phương**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Hà**
2. Bà **Lưu Thị Kim Hiền**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Phương**-Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thu Tr** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2023/TL-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐ-HPT ngày 20 tháng 03 năm 2023, giữa:

*Nguyên đơn: Ông **Trần Văn S,** Sinh năm 1961; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và ở tại: Số 14 L, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. (Ông S có mặt tại phiên tòa)

*Bị đơn: Bà **Huỳnh Thu H**, Sinh năm 1970; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14 L, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số 35 Ngõ 379 Đ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

(Bà H vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại bản tự khai, tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Trần Văn S trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thu H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 09/9/1993 tại Uỷ ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, bà H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên bị ông bắt gặp và ông có đánh bà H. Vợ chồng đã nói chuyện với nhau nhưng mâu thuẫn ngày càng kéo dài không thể hoà giải. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007

cho đến nay, mỗi người một nơi. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị tòa xem xét giải quyết cho ông ly hôn với bà H.

Về con chung, ông bà có 03 con chung là chị Trần Thu Tr, sinh năm 1994; anh Trần Hồng Q, sinh năm 1997; chị Trần Thu V, sinh năm 2002. Các con đều đã trưởng thành khỏe mạnh.

Về tài sản chung, nhà ở chung: ông trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về vay nợ chung: ông trình bày vợ chồng không có vay nợ nên ông không yêu cầu tòa giải quyết.

**** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngày 10/01/2022, ngày 06/02/2023 bị đơn bà Huỳnh Thu H có đến Toà án làm việc; sau đó, bà Hà không đến Tòa án theo các giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu giao nộp văn bản ý kiến trình bày quan điểm và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình.***

Tại bản tự khai ngày 10/01/2022, bà H trình bày: bà kết hôn với ông Trần Văn S trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 09/09/1993 tại Uỷ ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại địa chỉ số 14 phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống không hạnh phúc dẫn đến mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách, nên vợ chồng xảy ra xô xát lẫn nhau. Ông S thường xuyên đánh đập bạo hành bà nên bà đã chuyển về ở số nhà 35 Ngõ 379 Đ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội từ năm 1998 cho đến nay. Sau đó hai vợ chồng hoà giải một thời gian, cải thiện tình cảm đến khi bà sinh con thứ ba năm 2002 thì lại mâu thuẫn. Ông S còn nghi ngờ con thứ ba của vợ chồng không phải là con chung. Năm 2009, bà chuyển về nhà mẹ đẻ ở sau đấy khoảng 2,3 năm sau bà quay lại sống cùng ông S. Hai bên gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Ông S xin ly hôn bà nhận thấy tình càm không còn nên đồng ý ly hôn.

Tại phiên họp hoà giải ngày 06/02/2023, bà H xác định vẫn còn tình cảm với ông S nên không đồng ý ly hôn. Mặc dù vợ chồng đã sống ly thân, ông S xin ly hôn bà hiện tại vẫn chưa có phương án để vợ chồng đoàn tụ vì ông S đang ở với người khác.

- Về con chung: bà trình bày ông bà có 03 con chung là chị Trần Thu Tr sinh năm 1994, anh Trần Hồng Q sinh năm 1997, chị Trần Thu V sinh năm 2002. Các con đều đã trưởng thành khỏe mạnh.

- Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: bà trình bày vợ chồng không có không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên ông S phải có trách nhiệm hỗ trợ kinh tế cho các con.

Tại phiên tòa:

Ông Trần Văn S giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh Thu H vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không nói chuyện với nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2007 cho đến nay không thể hoà giải được. Quá trình giải quyết và hoà giải tại Toà án, ông có trao đổi với bà H về

việc chấm dứt hôn nhân vì không thể tiếp tục chung sống nên sớm giải thoát cho nhau nhưng bà H không đồng ý, thậm chí còn gây sự khiến hai vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng hơn. Về con chung: ông bà có 03 con chung là chị Trần Thu Tr sinh năm 1994, anh Trần Hồng Q sinh năm 1997, chị Trần Thu V sinh năm 2002. Các con đều đã trưởng thành khỏe mạnh. Về tài sản chung, nhà ở chung: ông trình bày vợ chồng không có tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung: ông trình bày vợ chồng không có vay nợ, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Trần Văn S đối với bà Huỳnh Thu H. Xử cho ông S được ly hôn với bà H. Về con chung: ông bà có 03 con chung là chị Trần Thu Tr sinh năm 1994, anh Trần Hồng Q sinh năm 1997, chị Trần Thu V sinh năm 2002 đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, nhà đất ở chung: ông bà trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về vay nợ: ông bà trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: ông S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 của Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn bà Huỳnh Thu H hiện đang ở tại số 35 Ngõ 379 Đ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn" là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn – bà Huỳnh Thu H đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đến Tòa án, không trình bày quan điểm, không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Xét quan hệ hôn nhân, giữa ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thu H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 09 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hà Nội (Chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01), đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông Trần Văn S xin ly hôn bà Huỳnh Thu H vì cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ lâu, đời sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống không còn phù hợp, không còn tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, căn cứ các chứng cứ gồm quá trình xác minh của Tòa án tại nơi cư trú, lời trình bày của các đương sự cho thấy: ông S và bà H mâu thuẫn do không có sự chia sẻ trong gia đình, không có tiếng nói chung. Ông bà đã sống ly thân từ mười năm nay, không còn chung sống ở một nhà nên không ai quan tâm đến ai; bản thân ông bà đã nhiều lần trao đổi với để vợ chồng hòa giải, đoàn tụ song không cải thiện được tình cảm, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà H thừa nhận việc vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân nên bà đồng ý ly hôn với ông S; sau đó bà H lại cho rằng bà vẫn còn tình cảm với ông S nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà H không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình nộp cho Tòa án cũng như bà H không gặp ông S để trao đổi giải quyết, không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà H vắng mặt không có lý do, chứng tỏ bà không mong muốn vợ chồng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống chung của vợ chồng ông S và bà H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Văn S đối với bà Huỳnh Thu H.

Xử cho ông Trần Văn S được ly hôn với bà Huỳnh Thu H.

[4] Về con chung:

Ông bà có 03 con chung là chị Trần Thu Tr sinh năm 1994, anh Trần Hồng Q sinh năm 1997, chị Trần Thu V sinh năm 2002. Các con chung đều đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nhà đất ở chung: ông bà trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vay nợ chung: ông bà trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: ông Trần Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: ông S và bà H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 19, 51, 56, 58, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Văn S đối với bà Huỳnh Thu H.

Ông Trần Văn S được ly hôn với bà Huỳnh Thu H.

2. Về con chung: ông bà có 03 con chung là chị Trần Thu Tr sinh năm 1994, anh Trần Hồng Q sinh năm 1997, chị Trần Thu V sinh năm 2002. Các con chung đều đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nhà đất ở chung: ông bà trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vay nợ chung: ông bà trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Trần Văn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông S đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002888 ngày 10/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn S có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Huỳnh Thu H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- UBND phường Cống Vị;
- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Phương